

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/DS-PT
Ngày 05- 4- 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 120/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị A, sinh năm 1947; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn Khởi; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Bà Trịnh Thị D (Trịnh Hồng D); cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

3. Chị Đinh Trúc L (Đinh Thị Trúc L); cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

4. Chị Đinh Yến L; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

5. Anh Đinh Hoàng Mộng N; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

6. Ông Trịnh Minh K; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 7. Bà Trịnh Thị H; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 8. Ông Trịnh Văn X; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 9. Bà Trịnh Thị Ng; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 10. Bà Trịnh Thị Ng; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 11. Ông Trịnh Văn U; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 12. Bà Trịnh Thị H; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
 13. Bà Trịnh Thị Th; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hoàng N –là nguyên đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng N trình bày: Nguồn gốc phần đất là do cụ Lê Văn T (ông nội ông) khai phá năm 1945, đến khoảng năm 1959 – 1960 cụ T bỏ đi thì vợ cụ T cùng với con cụ T trực tiếp sử dụng đến khoảng năm 1969 thì không canh tác nữa nên vào khoảng năm 1974 ông T cho lại ông. Năm 1975, chính quyền địa phương có hỏi ông cho ông Trịnh Hón T và bà Tô Thị A mượn phần đất khoảng 04 công tầm lớn tương đương 5.200m² để trồng hoa màu, khi nào cần sẽ lấy lại có xác nhận của ông Trần Thanh B. Năm 1977, hai bên phát sinh tranh chấp và đã được giải quyết từ năm 1990 đến năm 2003 bằng 05 Quyết định của UBND huyện Đ, đến ngày 09/7/2007 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 02-QĐUBND đã hủy bỏ các quyết định giải quyết đất tranh chấp đất giữa ông Trịnh Hón T và ông Lê Hoàng N của UBND huyện Đ do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Đ. Vào ngày 29/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 258/2019-QĐST-DS đã công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trịnh Hón T và ông Lê Hoàng N. Hiện nay, ông N xác định phần đất tranh chấp diện tích 239m² do gia đình ông T và bà A đang quản lý sử dụng cất nhà ở là đất của ông N chưa được giải quyết, nên ông N khởi kiện yêu cầu bà A cùng các con cháu bà A là ông K, bà D, chị T, chị Đinh Yến L, chị Đinh Thị Trúc L, chị Ngọc di dời nhà và các tài sản trên đất để trả lại cho ông N phần đất có diện tích 239m².

Bị đơn bà Tô Thị A trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 239m² là phần đất nằm trong toàn bộ diện tích đất của cụ Tô Th (cha bà) cho bà và chồng bà là ông Trịnh Hón T vào năm 1975, ông bà quản lý, sử dụng ổn định từ khi được cho đất đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, ông bà có xây dựng nhà,

trồng cây trên đất. Hiện tại, trên phần đất tranh chấp có một căn nhà của bà D, 01 chuồng heo của bà, 01 chuồng heo của bà D và một số cây do bà A trồng. Hiện nay ông T đã qua đời nên bà A cùng các con và cháu bà A vẫn tiếp ở và sử dụng phần đất trên cho đến nay. Bà A xác định phần đất tranh chấp không nằm trong phần đất đã được UBND huyện giải quyết tại 05 quyết định nên bà không đồng ý di dời nhà trả lại phần đất diện tích 239m² cho ông N.

Ông Trịnh Minh K, bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Văn X, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị Ng, ông Trịnh Văn U, bà Trịnh Thị H và bà Trịnh Thị Th thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông ngoại các ông bà là cụ Th khai phá, sau đó cho lại cha mẹ là bà Tô Thị A và ông Trịnh Hón T, nay ông T đã qua đời. Các ông, bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần đất tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 120/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng N về việc yêu cầu bà Tô Thị A, ông Đinh Văn K, bà Trịnh Thị D, chị Đinh Trúc L, chị Đinh Yên L và Đinh Hoàng Mộng Ng trả lại phần đất tranh chấp diện tích 239,0m² tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và di dời các tài sản trên đất. Phần đất tranh chấp có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Tô Thị A đang sử dụng điểm Q₁Q₂ dài 63,0m; hướng Tây giáp đất ông Lê Hoàng N đang sử dụng điểm M₂M₃ dài 64,0m; hướng Nam giáp đất ông Mai Văn M đang sử dụng điểm Q₂M₃ dài 2,7m; hướng Bắc giáp sông Lung Dừa điểm M₂Q₁ dài 5,2m.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/12/2021, ông Lê Hoàng N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo ông N xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lê Văn T (ông nội ông) khai phá năm 1945, đến năm 1974, cụ T cho lại ông nhưng ông N không xác định diện tích đất ông được cho là bao nhiêu m², vị trí đất ở đâu, ông N không có giấy tờ chứng minh phần đất ông N được tặng cho. Ông N cho rằng năm 1975 chính quyền địa phương có hỏi ông để mượn cho ông Trịnh Hón T và bà Tô

Thị A phân đất khoảng 04 công tầm lớn, phần đất tranh chấp hiện nay là 239m² do gia đình bà A đang quản lý nằm trong diện tích đất ông cho ông T và bà A mượn vào năm 1975 nhưng bà A không thừa nhận, ông N cũng không có giấy tờ gì chứng minh được việc ông N cho bà A mượn đất. Ông N cũng không chứng minh được vị trí đất hiện nay đang tranh chấp là 239m² nằm ở vị trí nào trên phần đất của ông N được tặng cho. Đồng T từ năm 1975 đến nay ông N không có giấy tờ gì chứng minh Nhà nước đã công nhận cho ông N phần đất 04 công trong đó có diện tích đất 239m² do gia đình bà A đang quản lý. Ông N thừa nhận từ năm 1975 đến nay ông N không trực tiếp quản lý phần đất diện tích 239m² mà do bà A và ông T là người quản lý sử dụng đất, cất nhà ở cho đến nay. Thực tế trên đất hiện nay có nhà của vợ chồng bà D và ông K cùng các con bà D ông K đang ở cùng với các cây trái và các công trình do bà A và vợ chồng bà D đang quản lý.

[2] Tại hồ sơ thể hiện, ông Ngô Bình A (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Hiệp Bình nay là xã T), ông Hồ Văn B, ông Dương Văn S, bà Mai Thị U, ông Phan Văn T, ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn B, ông Tô Thành T và ông Trịnh Văn Đ và văn bản phúc đáp ngày 09/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã T đều xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay giữa ông N và bà A có nguồn gốc là của cụ Lê Văn T (ông nội của ông N), nhưng sau đó gia đình ông N đi theo giặc, bỏ đất không ai giữ nước mặn nên Ủy ban nhân dân xã cấp cho ông Trịnh Hớn T là chồng bà A nên vợ chồng bà A quản lý và sử dụng cho đến nay. Sau khi tiếp thu thì ông N mới về kiện đòi đất, ông cũng N thừa nhận từ năm 1977 thì mới yêu cầu bà A trả đất. Theo Công văn số 157/CNVPĐKĐĐ ngày 04/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện trên phần đất tranh chấp hiện nay ông T đã đăng ký kê khai phần đất tại thửa số 11, tờ bản đồ số 5 (Bản đồ 299) Vào ngày 25/01/2020. Do đó ông N cho rằng ông T và bà A mượn đất của ông N để sử dụng từ năm 1975 đến nay là không có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N cho rằng căn cứ theo Quyết định số 258/2019/QĐST-DS ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì Cơ quan thi hành án đã đo đạc và thi hành án và cặm mốc cho ông N xong nhưng hiện nay ông N cho rằng phần đất của ông được thi hành án là thiếu diện tích 239m² nên ông N yêu cầu bà A trả thêm đất để ông N đủ diện tích đất là 7.442m², trong khi đó ông N thừa nhận trên phần đất 239m² hiện nay ông N yêu cầu bà A trả đã được bà D và ông Khởi cất nhà ở từ năm 1997 đến nay. Tại T điểm đo đạc và xác định diện tích vị trí đất tranh chấp để Tòa án giải quyết tranh chấp đất do ông T khởi kiện ông N, thì phần đất 239m² đang tranh chấp hiện nay nằm ngoài diện tích đất 7.442m² do ông T và ông N thỏa thuận tại Quyết định số 258/2019/QĐST-DS (BL 92). Ông N cũng thừa nhận tại T điểm thi hành án cặm mốc giao đất cho ông N là đã có nhà bà D và ông Khởi và căn nhà này cũng nằm ngoài diện tích đất đã được thi hành án cho ông N. Vì vậy ông N cho rằng phần đất tranh chấp 239m² hiện nay nằm trong diện tích đất 7.442m² do ông N được Tòa án công nhận là không có cơ sở.

[4] Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà A và các con cháu bà A dỡ nhà trả đất cho ông N là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho ông N.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng N về việc yêu cầu bà Tô Thị A, ông Đinh Văn K, bà Trịnh Thị D, chị Đinh Trúc L, chị Đinh Yến L và anh Đinh Hoàng Mộng Ng trả lại phần đất tranh chấp diện tích 239m² tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và di dời các tài sản trên đất. Phần đất tranh chấp có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Tô Thị A đang sử dụng điểm Q₁Q₂ dài 63,0m; hướng Tây giáp đất ông Lê Hoàng N đang sử dụng điểm M₂M₃ dài 64,0m; hướng Nam giáp đất ông Mai Văn M đang sử dụng điểm Q₂M₃ dài 2,7m; hướng Bắc giáp sông Lung Dừa điểm M₂Q₁ dài 5,2m (Kèm theo sơ đồ đo đạc đất vào ngày 25/4/2017).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Hoàng N phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng), ông N đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoàng N không phải chịu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hoàng N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi Cục THADS huyện Đầm dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Bùi Thị Phương Loan